TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HS-PT
Ngày: 20/4/2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài.

Các Thẩm phán:

1. Ông Thái Văn Chấn;

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng. .

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Huyền**.**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:

- Bà Phạm Huỳnh Ngọc Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 60/2023/TLPT-HS ngày 02 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị T. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án số 03/2023/HS-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 17/7/1989. Nơi cư trú: ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1940 và bà Lương Thị K, sinh năm 1945; anh chị em ruột có tám người, bị cáo là người thứ tám; Chồng là Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1986; Con có 02 người, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2012.

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị cáo đang được cho tại ngoại.

- Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa theo yêu cầu cho bị cáo Nguyễn Thị T*: Ông Nguyễn Đình Thái H – Luật sư Văn phòng L, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Đ (vắng mặt).

(Trong vụ án, bị hại không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 20 phút ngày 12/5/2022, Nguyễn Thị T điều khiển xe môtô biển số 67M1-478.05 chở trái cây đến nhà chị ruột là Nguyễn Thị Thu N tại ấp H, xã Đ, huyện T. Đến nơi, T thấy Lương Thị K và Nguyễn Ngọc H1 (mẹ, chị ruột của T) đang cự cãi về việc phân chia tài sản thừa kế nên T chạy đến bênh vực K và cãi nhau với H1. Lúc này, H1 dùng tay đánh 04 cái trúng vào vùng đầu T gây sây sát nhẹ nên T dùng tay trái lấy cây dao Thái Lan dài 20cm bằng kim loại, mũi sắc nhọn để trên bàn nhựa trước cửa nhà của N, chém 03 nhát trúng vào trán, lưng, hông của H1 và được N, Nguyễn Văn H2 can ngăn, H2 giật lấy cây dao trên tay T ném lại hiện trường. Sau đó, H1 đến Trung tâm y tế huyện T điều trị đến ngày 16/5/2022 ra viện. Hưởng có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Ngày 22/9/2022, T bị khởi tố điều tra.

Vật chứng thu giữ: Ngày 11/11/2022, T giao nộp 1.500.000 đồng để bồi thường chi phí điều trị cho H1. Riêng, đối với cây dao Thái Lan dài 20cm, lực lượng tổ chức truy tìm nhưng không tìm được.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 431/22/TgT ngày 11/7/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh A, ghi nhận thương tích của Nguyễn Ngọc H1: Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo trán phải, kích thước (01 x 0.3)cm, sẹo lồi, gần tiệp màu da, nằm trong chân tóc, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 01%, thương tích do vật sắc gây nên; Sẹo lưng phải, kích thước (1.8 x 0.2)cm, bờ sắc gọn, nằm xiên, sậm màu, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 01%, thương tích do vật sắc nhọn gây nên; Sẹo hông phải, kích thước (02 x 0.1)cm, bờ sắc gọn, nằm xiên, sậm màu, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 01%, thương tích do vật sắc gây nên. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên: 03%.

Tại Bản Cáo trạng số 76/CT-VKSTS-HS ngày 07/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh An Giang đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm huyện T, tỉnh An Giang, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

- Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 590, Bộ luật dân sự.

Công nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Thị T khắc phục hậu quả cho bị hại Nguyễn Ngọc H1 số tiền 1.500.000 đồng. (Số tiền 1.500.000 đồng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 43/QĐ-VKSTS, ngày 07/12/2022).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/01/2023 bị cáo Nguyễn Thị T làm đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng án treo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi xét hỏi, tranh luận, xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T gửi trong hạn luật định, nên đủ cơ sở chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay, phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Thị T về tội *"Cố ý gây thương tích"* theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và tuyên phạt bị cáo 06 tháng tù là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Xét toàn diện vụ án nhận thấy, giữa bị cáo và bị hại có mối quan hệ là chị em ruột trong gia đình; thương tích bị cáo gây ra cho bị hại không lớn (03%); việc gây thương tích này xuất phát từ việc bênh vực mẹ là bà Lương Thị K và bị hại dùng tay đánh trước; Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, đề xuất có xem xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật và răn đe, phòng ngừa.

Về phần án phí: Bị cáo đã nộp 1.500.000 đồng để bồi thường cho bị hại trước khi mở phiên tòa, nhưng bản án sơ thẩm lại buộc bị cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm là chưa đúng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm về tội "Cố ý gây thương tích".

Sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm: không buộc bị cáo phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội như nội dung án sơ thẩm. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, cấp sơ thẩm đã tuyên xử bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo thì thấy:

Bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, hậu quả xảy ra và cố ý thực hiện. Nguyên nhân xuất phát từ việc bị cáo thấy mẹ mình là bà Lương Thị K1 đang cự cãi với chị Nguyễn Ngọc H1 (là chị ruột của bị cáo). Vì bênh vực mẹ nên bị cáo cự cãi với chị H1 và bị H1 dùng tay đánh vào vùng đầu 04 cái, từ đó do nóng giận bị cáo đã dùng cây dao Thái Lan dài 20cm, mũi nhọn chém 03 nhát trúng vào trán, lưng, hông của H1 gây thương tích cho H1 với tỷ lệ là 03%.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến tính mạng, sức khỏe của công dân, gây hoang mang trong quần chúng, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải bị xử phạt một mức án phù hợp với hành vi của bị cáo đã gây ra, đồng thời cũng tang tính răn đe, giáo dục chung cho xã hội.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện tính chất mức độ, hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và tuyên phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà án sơ thẩm đã xem xét, tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cho bị cáo, cấp sơ thẩm đã không xem xét tình tiết người bị hại lại chính là chị ruột của bị cáo đã chủ động đánh bị cáo trước 04 cái

vào vùng đầu, bị cáo mới dùng dao gây thương tích cho bị hại, việc bị cáo phạm tội là do lỗi của bị hại gây ra. Ngoài ra, xét về hoàn cảnh, nhân thân của bị cáo thì thấy: Tuy trong trong phần lý lịch bị cáo có khai chồng là Nguyễn Ngọc M, nhưng không có đăng ký kết hôn, anh M đã bỏ đi làm ăn xa từ nhiều năm nay, hiện bị cáo đang nuôi 02 con còn nhỏ, cha, mẹ bị cáo đã già cũng do bị cáo nuôi dưỡng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt có điều kiện dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Về phần án phí dân sự sơ thẩm: trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện nộp tiền bồi thường thiệt hại cho bị hại trước khi mở phiên tòa, trường hợp này bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Quan điểm của Viện kiểm sát cùng cấp không trái với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, xin giảm nhẹ hình phạt được hưởng án treo.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm được tính kể từ ngày tuyên án phúc thẩm ngày 20/4/2023.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh An Giang để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách; bị cáo Nguyễn Thị T phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo Luật Thi hành án hình sự. Trường hợp bị cáo Nguyễn Thị T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Áp dụng điểm g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các phần Quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2023/HS-ST ngày 16/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Có giải thích chế định án treo).

Nơi nhận:
-TAND huyện T;
-VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở tư pháp;
- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Tấn Tài